

Tổng hợp kiến thức Toán Lớp 2: Phép cộng và Phép trừ trong phạm vi 1000

Phần 1: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100

1. Phép cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100

Đây là dạng cơ bản nhất, các con chỉ cần đặt tính thẳng cột (hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục) rồi thực hiện tính từ phải sang trái.

- **Ví dụ 1:** $45 + 23 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính: Viết số 45 rồi viết số 23 xuống dưới sao cho 3 thẳng cột với 5, 2 thẳng cột với 4. Viết dấu + và kẻ vạch ngang.

2. Thực hiện phép tính (từ phải sang trái):

5 cộng 3 bằng 8, viết 8.

4 cộng 2 bằng 6, viết 6.

Vậy, $45 + 23 = 68$.

- **Ví dụ 2:** $86 - 52 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính: Tương tự phép cộng.

2. Thực hiện phép tính (từ phải sang trái):

6 trừ 2 bằng 4, viết 4.

8 trừ 5 bằng 3, viết 3.

Vậy, $86 - 52 = 34$.

2. Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100

Khi cộng hai số ở hàng đơn vị có kết quả lớn hơn hoặc bằng 10, ta thực hiện "nhớ" sang hàng chục.

Quy tắc: Cộng hàng đơn vị, nếu tổng ≥ 10 , viết chữ số hàng đơn vị của tổng vào kết quả, nhớ 1 sang hàng chục. Sau đó cộng hàng chục và cộng thêm 1 (số đã nhớ).

• **Ví dụ:** $37 + 48 = ?$

• **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

7 cộng 8 bằng 15, viết 5, nhớ 1.

3 cộng 4 bằng 7, thêm 1 (nhớ) bằng 8, viết 8.

Vậy, $37 + 48 = 85$.

3. Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100

Khi số ở hàng đơn vị của số bị trừ nhỏ hơn số ở hàng đơn vị của số trừ, ta phải "mượn" 1 ở hàng chục.

Quy tắc: Lấy số đơn vị của số bị trừ cộng 10 rồi trừ đi số đơn vị của số trừ. Sau đó, khi trừ hàng chục, ta cộng 1 vào số trừ ở hàng chục rồi thực hiện phép trừ như bình thường.

- **Ví dụ:** $62 - 25 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

2 không trừ được 5, lấy 12 trừ 5 bằng 7, viết 7, nhớ 1.

2 thêm 1 bằng 3. 6 trừ 3 bằng 3, viết 3.

Vậy, $62 - 25 = 37$.

Phần 2: Phép cộng trong phạm vi 1000

A. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 1000

Tương tự như trong phạm vi 100, ta đặt tính thẳng cột (đơn vị, chục, trăm) và cộng lần lượt từ phải sang trái.

- **Ví dụ 1:** $341 + 257 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

$1 + 7 = 8$, viết 8.

$4 + 5 = 9$, viết 9.

$3 + 2 = 5$, viết 5.

Vậy, $341 + 257 = 598$.

B. Phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000

1. Cộng có nhớ một lần (từ hàng đơn vị sang hàng chục)

Khi tổng các chữ số ở hàng đơn vị ≥ 10 , ta nhớ 1 sang hàng chục.

- **Ví dụ:** $456 + 127 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

$6 + 7 = 13$, viết 3, nhớ 1.

$5 + 2 = 7$, thêm 1 (nhớ) bằng 8, viết 8.

$4 + 1 = 5$, viết 5.

Vậy, $456 + 127 = 583$.

2. Cộng có nhớ một lần (từ hàng chục sang hàng trăm)

Khi tổng các chữ số ở hàng chục (đã cộng số nhớ nếu có) ≥ 10 , ta nhớ 1 sang hàng trăm.

- **Ví dụ:** $281 + 345 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

$1 + 5 = 6$, viết 6.

$8 + 4 = 12$, viết 2, nhớ 1.

$2 + 3 = 5$, thêm 1 (nhớ) bằng 6, viết 6.

Vậy, $281 + 345 = 626$.

3. Cộng có nhớ hai lần (từ đơn vị sang chục, từ chục sang trăm)

Đây là dạng kết hợp cả hai trường hợp trên.

- **Ví dụ:** $378 + 259 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

$8 + 9 = 17$, viết 7, nhớ 1.

$7 + 5 = 12$, thêm 1 (nhớ) bằng 13, viết 3, nhớ 1.

$3 + 2 = 5$, thêm 1 (nhớ) bằng 6, viết 6.

Vậy, $378 + 259 = 637$.

Phần 3: Phép trừ trong phạm vi 1000

A. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 1000

Tương tự phép cộng không nhớ, ta đặt tính thẳng cột và trừ lần lượt từ phải sang trái.

- **Ví dụ:** $987 - 543 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

$$7 - 3 = 4, \text{ viết } 4.$$

$$8 - 4 = 4, \text{ viết } 4.$$

$$9 - 5 = 4, \text{ viết } 4.$$

$$\text{Vậy, } 987 - 543 = 444.$$

B. Phép trừ có nhớ trong phạm vi 1000

1. Trừ có nhớ một lần (mượn ở hàng chục)

Khi chữ số hàng đơn vị của số bị trừ nhỏ hơn số trừ, ta mượn 1 chục (tức là 10 đơn vị) để trừ.

• **Ví dụ:** $652 - 138 = ?$

• **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

2 không trừ được 8, lấy $12 - 8 = 4$, viết 4, nhớ 1.

3 thêm 1 bằng 4. $5 - 4 = 1$, viết 1.

$$6 - 1 = 5, \text{ viết } 5.$$

$$\text{Vậy, } 652 - 138 = 514.$$

2. Trừ có nhớ một lần (mượn ở hàng trăm)

Khi chữ số hàng chục của số bị trừ nhỏ hơn số trừ, ta mượn 1 trăm (tức là 10 chục) để trừ.

• **Ví dụ:** $839 - 275 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

$9 - 5 = 4$, viết 4.

3 không trừ được 7, lấy $13 - 7 = 6$, viết 6, nhớ 1.

2 thêm 1 bằng 3. $8 - 3 = 5$, viết 5.

Vậy, $839 - 275 = 564$.

3. Trừ có nhớ hai lần (mượn ở hàng chục và hàng trăm)

Đây là dạng kết hợp cả hai trường hợp trên.

- **Ví dụ:** $721 - 345 = ?$

- **Cách làm:**

1. Đặt tính thẳng cột.

2. Thực hiện phép tính:

1 không trừ được 5, lấy $11 - 5 = 6$, viết 6, nhớ 1.

4 thêm 1 bằng 5. 2 không trừ được 5, lấy $12 - 5 = 7$, viết 7, nhớ 1.

3 thêm 1 bằng 4. $7 - 4 = 3$, viết 3.

Vậy, $721 - 345 = 376$.

Phần 4: Các dạng toán liên quan

A. Tìm thành phần chưa biết của phép tính (Tìm x)

Để giải các bài toán này, các con cần ghi nhớ các quy tắc sau:

Dạng toán	Công thức	Ví dụ
Tìm số hạng chưa biết	Số hạng chưa biết = Tổng - Số hạng đã biết	$x + 120 = 500$ $x = 500 - 120$ $x = 380$
Tìm số bị trừ chưa biết	Số bị trừ = Hiệu + Số trừ	$x - 250 = 400$ $x = 400 + 250$ $x = 650$
Tìm số trừ chưa biết	Số trừ = Số bị trừ - Hiệu	$860 - x = 300$ $x = 860 - 300$ $x = 560$

B. Toán có lời văn

1. Dạng toán "Nhiều hơn"

Cách nhận biết: Bài toán cho biết số bé và phần "nhiều hơn", yêu cầu tìm số lớn.

Phương pháp: Thực hiện phép cộng.

- **Ví dụ:** Vườn nhà An có 175 cây cam. Vườn nhà Bình có nhiều hơn vườn nhà An 50 cây. Hỏi vườn nhà Bình có bao nhiêu cây cam?

- **Bài giải:**

Số cây cam vườn nhà Bình có là:

$$175 + 50 = 225 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 225 cây cam.

2. Dạng toán "Ít hơn"

Cách nhận biết: Bài toán cho biết số lớn và phần "ít hơn", yêu cầu tìm số bé.

Phương pháp: Thực hiện phép trừ.

- **Ví dụ:** Một cửa hàng buổi sáng bán được 420kg gạo. Buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 65kg. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- **Bài giải:**

Số ki-lô-gam gạo buổi chiều bán được là:

$$420 - 65 = 355 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 355 kg gạo.

3. Dạng toán "Tổng cộng" hoặc "Tất cả"

Cách nhận biết: Bài toán yêu cầu tìm tổng số lượng của hai hay nhiều nhóm.

Phương pháp: Thực hiện phép cộng.

- **Ví dụ:** Khối lớp Hai có 215 học sinh nam và 238 học sinh nữ. Hỏi khối lớp Hai có tất cả bao nhiêu học sinh?

- **Bài giải:**

Số học sinh khối lớp Hai có tất cả là:

$$215 + 238 = 453 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 453 học sinh.

4. Dạng toán "Còn lại"

Cách nhận biết: Bài toán cho biết số lượng ban đầu và số lượng đã bớt đi, yêu cầu tìm số lượng còn lại.

Phương pháp: Thực hiện phép trừ.

- **Ví dụ:** Thư viện trường có 950 quyển sách. Các bạn học sinh đã mượn 280 quyển. Hỏi thư viện còn lại bao nhiêu quyển sách?

- **Bài giải:**

Số sách còn lại trong thư viện là:

$$950 - 280 = 670 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 670 quyển sách.